

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14; Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14; Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ các văn bản của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 “Về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh: Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Thông báo số 190/TB-UBND ngày 11/5/2026 về Kết luận hội nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 05/5/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 820/TTr-SNNMT ngày 02/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề cương nhiệm vụ Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên cơ sở Đề cương nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này; đảm bảo chất lượng, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định dự toán kinh phí lập Đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; tham gia ý kiến về nội dung tài chính, kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

3. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện để Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT, THĐT, KTTC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh

ĐỀ CƯƠNG

Đề án “Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị
2. Căn cứ pháp lý
3. Các văn bản, tài liệu khác có liên quan

III. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục đích
2. Quan điểm

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng
2. Phạm vi thực hiện

V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HOÁ, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên
2. Tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp
3. Điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến phát triển kinh tế nông nghiệp
 - 3.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
 - 3.2. Dân số, lao động việc làm
 - 3.3. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH ĐẾN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Các chủ trương, chính sách của Trung ương

2. Các chủ trương, chính sách của tỉnh

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HOÁ THỜI KỲ 2021 - 2025

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

2. Kết quả thực hiện phát triển kinh tế nông nghiệp theo vùng

2.1. Vùng trung du miền núi

2.2. Vùng đồng bằng

2.3. Vùng ven biển

3. Kết quả thực hiện phát triển kinh tế nông nghiệp

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

3.3. Lĩnh vực thủy sản

3.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

4. Thực trạng phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh và tích hợp đa giá trị gắn với sản phẩm chủ lực và OCOP

5. Thực trạng các hình thức tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp

5.1. Thực trạng các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

5.2. Thực trạng liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp

6. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp

7. Thực trạng công tác xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp

8. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp

9. Chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

10. Thực trạng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn

11. Hiệu quả sản xuất kinh doanh trong sản xuất nông nghiệp

IV. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

V. Đánh giá chung về tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp

1. Điểm mạnh

2. Điểm yếu

3. Cơ hội

4. Thách thức

VI. Bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp tại một số địa phương có điều kiện tương đồng

Phần thứ ba NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TỈNH THANH HOÁ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. BỐI CẢNH VÀ DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1. Bối cảnh quốc tế
2. Bối cảnh trong nước và khu vực
3. Dự báo khoa học công nghệ
4. Dự báo tác động của biến đổi khí hậu
5. Một số dự báo khác

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu

- 2.1. Mục tiêu chung
- 2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

3. Tầm nhìn đến năm 2050

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1. Định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp theo vùng

- 1.1. Vùng trung du miền núi
- 1.2. Vùng đồng bằng
- 1.3. Vùng ven biển

2. Định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp theo lĩnh vực

- 2.1. Về lĩnh vực Trồng trọt
- 2.2. Về lĩnh vực Chăn nuôi
- 2.3. Về lĩnh vực Lâm nghiệp
- 2.4. Về lĩnh vực Thủy sản

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
2. Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh và tích hợp đa giá trị gắn với sản phẩm chủ lực và OCOP.
3. Phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu và sở hữu trí tuệ nông sản.
4. Đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế hợp tác và tăng cường liên kết chuỗi giá trị.
5. Phát triển doanh nghiệp tư nhân và thu hút đầu tư trong nông nghiệp
6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp.
7. Phát triển dịch vụ nông nghiệp và logistics phục vụ sản xuất.
8. Phát triển chế biến, thương mại và hệ thống phân phối, tiêu thụ nông sản.
9. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với sản phẩm OCOP.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách.
2. Giải pháp về tích tụ, tập trung đất đai; phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.
3. Giải pháp về khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.
4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức.
5. Giải pháp về huy động nguồn lực, tài chính và thu hút đầu tư.
6. Giải pháp về tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị và phát triển kinh tế hợp tác.
7. Giải pháp về chế biến, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông sản.
8. Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp
9. Giải pháp về phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.
10. Giải pháp về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với sản phẩm OCOP.
11. Giải pháp về hợp tác quốc tế và hội nhập.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

VII. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

VIII. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả về kinh tế
2. Hiệu quả về xã hội
3. Hiệu quả về môi trường

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM GIAO NỘP

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể
2. Nhiệm vụ của UBND các xã, phường
3. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan

II. SẢN PHẨM GIAO NỘP

1. Báo cáo tóm tắt Đề án Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (10 bộ).
2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp (báo cáo chính) Đề án Phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (10 bộ).
3. Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa năm 2025 tỷ lệ 1/100.000 (10 bộ).
4. Bản đồ định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỷ lệ 1/100.000 (10 bộ).
5. USB lưu toàn bộ số liệu, nội dung dự án (02 cái).

Phần thứ năm
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC VÀ CÁC VĂN BẢN KÈM THEO